

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311402 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 3 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572011502	35CKT2	Nguy n Th Ph ng Anh	12/06/1993				4.0	7.5		5.8	1.7	3.8	2.7	4.4	
2	3572010555	35CKT2	Nguy n Ch ấ Công	26/09/1993				3.0	7.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
3	3572011228	35CKT2	L 2 Th Tr ấ c D uy ấ n	15/10/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
4	3572010534	35CKT2	Phan Th H ng ấ ấ	06/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
5	3572010630	35CKT2	Ho ấ ng Th ấ i	12/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3572011024	35CKT2	Nguy n Th Tr ấ c Giang	10/07/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3472010028	34CKT1	Nguy n Th H ng Hà	27/07/1991				7.0	7.5		7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
8	3572010496	35CKT2	Ph m Ph ng H ấ o	02/11/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
9	3572011264	35CKT2	Nguy n ấ nh H o	14/02/1993				4.5	7.0		5.8	1.7	3.0	2.1	3.8	
10	3572010331	35CKT2	D ng Th Thu H ng	02/03/1993				7.0	7.5		7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
11	3572010260	35CKT2	Ng ấ Th H ng	03/03/1993				3.5	8.0		5.8	1.7	4.5	3.2	4.9	N HP
12	3572010366	35CKT2	Nguy n Thanh H ng	15/06/1993				4.5	8.0		6.3	1.9	6.5	4.6	6.4	
13	3572011271	35CKT2	Nguy n Th Ng c H ng	28/03/1992				8.0	8.5		8.3	2.5	5.8	4.1	6.5	
14	3572011182	35CKT2	Tr n Th H ng	06/11/1993				4.5	8.0		6.3	1.9	5.3	3.7	5.6	N HP
15	3572010335	35CKT2	Ph m Th Qu nh H ấ n	01/11/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
16	3572011640	35CKT2	Phan Th H ấ n	22/05/1993				3.5	8.0		5.8	1.7	5.8	4.1	5.8	
17	3572010638	35CKT2	V H Thu H ấ n	03/10/1993				4.0	7.5		5.8	1.7	5.0	3.5	5.2	
18	3572010353	35CKT2	Ph m Th H ấ i	08/12/1993				10.0	9.0		9.5	2.9	8.0	5.6	8.5	
19	3572011226	35CKT2	L 2 Th H ồ a	01/03/1993				5.5	8.0		6.8	2.0	7.5	5.3	7.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311402 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 3 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572010258	35CKT2	L ² Th H ng	12/05/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
21	3572011452	35CKT2	V ấ T ấ ng H p	30/04/1993				4.0	7.0		5.5	1.7	5.3	3.7	5.4	
22	3572010806	35CKT2	Ph m Th Hu	10/02/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
23	3572010930	35CKT2	Nguy n Thanh Huy	30/09/1993				5.0	7.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
24	3572010472	35CKT2	Nguy n T n H ng	28/12/1993				4.0	7.0		5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	
25	3572011310	35CKT2	L i Th Kim H ng	17/03/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	5.3	3.7	5.9	
26	3572010372	35CKT2	L ² Th Di m H ng	29/09/1993				7.0	7.5		7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
27	3572011485	35CKT2	Nguy n Th Xu ấ n H ng	10/08/1992				4.0	7.0		5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
28	3572010439	35CKT2	Nguy n Trung Ki ấ n	25/06/1993				5.0	7.0		6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
29	3572011731	35CKT2	Tr n Th M ng Kha	29/09/1993				4.5	8.0		6.3	1.9	8.8	6.2	8.0	
30	3572010285	35CKT2	Nguy n Th Ng c Kh ấ nh	24/07/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
31	3572010384	35CKT2	ấ ng Th V Lam	22/04/1993				5.5	8.0		6.8	2.0	5.0	3.5	5.5	
32	3472010054	34CKT1	L ² Th Lam	05/10/1992				7.0	7.5		7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
33	3572011364	35CKT2	V ấ Th B ấ ch L	10/11/1993				6.0	7.5		6.8	2.0	5.0	3.5	5.5	
34	3572010320	35CKT2	Phan Th Kim Li ấ n	14/09/1993				5.0	8.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
35	3572011532	35CKT2	Th ấ i Kim Li ấ n	13/11/1991				4.5	7.5		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
36	3572010434	35CKT2	Nguy n Th Li ấ u	15/10/1993				5.0	8.5		6.8	2.0	3.5	2.5	4.5	
37	3572011619	35CKT2	Ph m Th Nh t Linh	14/09/1992				5.5	8.0		6.8	2.0	8.0	5.6	7.6	
38	3572011563	35CKT2	Ti ² u Th Y n Loan	08/04/1993				5.0	7.5		6.3	1.9	5.0	3.5	5.4	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKT2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122167311402 - K t o ã n t c h ã nh ph n 3 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572010168	35CKT2	L ^a m H u	L c	25/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
40	3572010457	35CKT2	Ph ẽ ng Th Mai	Ly	07/05/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	7.3	5.1	7.3	
41	3572010169	35CKT2	ñ o c n Di m	My	04/03/1992				4.5	8.0		6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
42	3572010448	35CKT2	Th ^a n Th Mi	N	10/02/1993				10.0	8.5		9.3	2.8	8.3	5.8	8.6	
43	3572010306	35CKT2	Hu mnh Th H ng	Nga	13/10/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
44	3572010337	35CKT2	T Th H ng	Ng c	28/03/1992				10.0	8.5		9.3	2.8	8.0	5.6	8.4	
45	3572011565	35CKT2	L ² Th	Nguy t	24/12/1993				6.0	8.5		7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
46	3572010665	35CKT2	Mai Th C nh	Nguy t	24/05/1993				7.0	0.0		3.5	1.1	8.3	5.8	6.9	
47	3572010420	35CKT2	Tr n Th Ng c	Nhi	05/08/1993				3.0	7.5		5.3	1.6	4.5	3.2	4.7	
48	3572010363	35CKT2	Nguy n Th Tuy t	Nhung	22/01/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	9.0	6.3	8.9	
49	3572010290	35CKT2	Tr n Ho c ng	Phúc	22/11/1993				5.5	7.5		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
50	3572010355	35CKT2	T Th	Qu mnh	06/03/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	8.3	5.8	8.2	
51	3572010550	35CKT2	Nguy n Ng c	Sang	24/10/1993				4.5	7.0		5.8	1.7	5.8	4.1	5.8	
52	3572011513	35CKT2	Hu mnh Quang	Tu n	29/04/1993				4.5	7.5		6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
53	3572011726	35CKT2	Nguy n Nh t	Tu n	16/06/1992				4.0	7.0		5.5	1.7	4.3	3.0	4.7	
54	3572010315	35CKT2	L ² Th Thanh	Tuy n	25/07/1992				4.0	7.5		5.8	1.7	6.8	4.8	6.5	
55	3572010601	35CKT2	Nguy n Th H ng	Tuy t	04/08/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
56	3572011282	35CKT2	Tr n Th	Tuy t	05/11/1983				4.0	8.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
57	3572011443	35CKT2	H a C m	Tú	18/04/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311402 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 3 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3572011778	35CKT2	Nguy n Ng c Thanh	14/09/1993				1.0	0.0		0.5	0.2	0.0	0.0	0.2	
59	3572011634	35CKT2	Nguy n Th H ng Thanh	26/08/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
60	3572010481	35CKT2	D ng Th Thu Th o	11/09/1993				5.0	7.5		6.3	1.9	5.0	3.5	5.4	
61	3572010407	35CKT2	Nguy n Th Th o	17/09/1993				8.5	8.0		8.3	2.5	6.0	4.2	6.7	
62	3572010653	35CKT2	Nguy n Th Th o	26/04/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
63	3572010166	35CKT2	Ph m Th Th o	08/11/1993				4.0	7.5		5.8	1.7	6.0	4.2	5.9	
64	3572011412	35CKT2	L ² Th H ng Th m	15/10/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	N HP
65	3572010288	35CKT2	L ² Th Th m	10/03/1993				8.5	8.0		8.3	2.5	8.0	5.6	8.1	
66	3572010929	35CKT2	Nguy n Th Thu	09/01/1993				4.0	7.5		5.8	1.7	5.5	3.9	5.6	N HP
67	3572011500	35CKT2	V ¹ / ₂ Th L Thu	28/09/1993				8.0	8.5		8.3	2.5	7.8	5.5	7.9	
68	3572010375	35CKT2	ấ ấ Ng» Thanh Thuý	10/03/1993				10.0	8.0		9.0	2.7	8.3	5.8	8.5	
69	3572011505	35CKT2	Tr nh Th Thuý	17/10/1993				10.0	9.5		9.8	2.9	9.0	6.3	9.2	
70	3572011655	35CKT2	Nguy n Th Th ng	19/10/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.8	4.8	7.2	
71	3572011150	35CKT2	Tr n Minh Th c	10/12/1993				4.5	7.5		6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
72	3572010635	35CKT2	Mai Thiên Trang	07/05/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
73	3572011445	35CKT2	Nguy n Th Th ỷ Trang	01/07/1993				6.5	7.5		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
74	3572010397	35CKT2	Tr n Th Trang	20/12/1993				4.5	7.5		6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	N HP
75	3572011535	35CKT2	L ² Th X ng	03/06/1993				4.5	8.0		6.3	1.9	5.8	4.1	5.9	
76	3572011257	35CKT2	Nguy n Th Y n	06/06/1993				7.5	8.0		7.8	2.3	7.8	5.5	7.8	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKT2 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122167311402 - K to n t@ch nh ph n 3 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3572010091	35CKT2	Phan Th H ng Y n	09/03/1993				6.5	7.5		7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	

T ng s : 77 h c sinh sinh v i² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa Gi o V i² n B M»n Gi o V Khoa